

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VÒNG 2
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

STT	Số báo danh	Họ và Tên	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
1	167	Vũ Thị Bích	Diệp		24/7/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		81.5	0	81.5	
2	168	Nguyễn Thị Thanh	Nhài		30/9/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		81.5	0	81.5	
3	169	Lê Thị Kim	Oanh		22/8/1991	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		72.5	0	72.5	
4	170	Phan Thị Kiều	Oanh		14/11/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		71.5	0	71.5	
5	171	Quách Thị	Quyên		22/6/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa	Dân tộc Mường	68	5	73	
6	172	Đỗ Tiến	Son	08/9/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		0	0	0	Không dự phỏng vấn
7	173	Hoàng Minh	Tiến	04/12/1991		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		76	0	76	
8	236	Nguyễn Thị	Hương		23/01/1991	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Điều trị tự nguyện B		64	0	64	
9	237	Nguyễn Thị	Thanh		29/6/1991	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Điều trị tự nguyện B		73.5	0	73.5	
10	238	Dương Thị Hồng	Vân		20/5/1993	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Điều trị tự nguyện B		73.5	0	73.5	
11	239	Trần Thị Mỹ	Hạnh		04/3/1993	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Điều trị tự nguyện C		75.5	0	75.5	

STT	Số báo danh	Họ và Tên	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
12	240	Nguyễn Đăng	Hoàn	29/5/1989		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Điều trị tự nguyện C		80.5	0	80.5	
13	241	Nguyễn Công	Son	10/01/1994		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Điều trị tự nguyện C		72	0	72	
14	8	Lê Vũ	Linh	05/6/1991		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Tim mạch Trẻ em	Con BB 2/3 (61%)	69	5	74	
15	9	Ngô Quốc	Thái	31/8/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		89.5	0	89.5	
16	10	Vũ Quang	Trung	09/6/1991		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Tim mạch trẻ em		48.5	0	48.5	
17	11	Nguyễn Văn	Trung	01/10/1990		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		65	0	65	
18	12	Hoàng	Việt	07/9/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Tim mạch Trẻ em	Sĩ quan dự bị	86.5	2.5	89	
19	85	Bùi Vũ	Anh	17/02/1990		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		90	0	90	
20	86	Hoàng Thị Thùy	Hoa		21/3/1991	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		31.5	0	31.5	
21	87	Nguyễn Hoàng	Lan		22/12/1991	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		86.5	0	86.5	
22	88	Trần Thị Thùy	Linh		13/9/1991	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		70	0	70	
23	89	Nguyễn Hồng	Phúc	15/8/1991		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		79	0	79	
24	90	Bùi Thanh	Thủy		02/01/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		72	0	72	

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
25	91	Nguyễn Ngọc	Trai	07/5/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		69	0	69	
26	1	Nguyễn Hà	Châm		23/12/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Quốc tế		68.5	0	68.5	
27	2	Cần Huyền	Hân		30/12/1991	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Quốc tế		56.5	0	56.5	
28	3	Vũ Tùng	Lâm	26/11/1990		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Quốc tế		66.5	0	66.5	
29	4	Trần Hoàng	Linh	23/02/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Quốc tế		87	0	87	
30	203	Lưu Thị	Hằng		17/01/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		55	0	55	
31	204	Nguyễn Việt	Hùng	20/10/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		63.5	0	63.5	
32	205	Nguyễn	Khuê	17/3/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		80	0	80	
33	206	Đặng Thị Thúy	Nga		30/6/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		61	0	61	
34	207	Cần Văn	Quỳnh	03/11/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		57	0	57	
35	208	Thân Hoàng	Son	24/10/1994		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		57	0	57	
36	209	Đàm Thị	Thảo		10/5/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		58.5	0	58.5	
37	210	Nguyễn Văn	Thuận	02/9/1991		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		68.5	0	68.5	

STT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
			Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
38	211	Đỗ Thị Xuân		20/10/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		73.5	0	73.5	
39	52	Nguyễn Thị Thanh		02/11/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Sơ sinh		57	0	57	
40	61	Nguyễn Đức	23/5/1991		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		63.5	0	63.5	
41	62	Vũ Đức	20/10/1993		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		76.5	0	76.5	
42	63	Đặng Thị Thanh		16/9/1993	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		71.5	0	71.5	
43	64	Nguyễn Huy	11/8/1993		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		58	0	58	
44	65	Lê Thị Thu		08/12/1994	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		75	0	75	
45	66	Hoàng Thị Phương		06/9/1993	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		64	0	64	
46	67	Phạm Văn	10/7/1993		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		76.5	0	76.5	
47	68	Vũ Hải		12/01/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		84	0	84	
48	102	Phan Thị Thúy		15/4/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Miễn dịch - Dị ứng - Khớp		85	0	85	
49	160	Nguyễn Hồng	07/02/1990		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Bệnh nhiệt đới		68	0	68	
50	193	Nguyễn Văn	10/10/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Tiêu hóa - Gan mật - Dinh dưỡng	Sĩ quan dự bị	75.5	2.5	78	

STT	Số báo đanh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
51	189	Nguyễn Hồng	Nhung		12/3/1992	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Hô hấp		78.5	0	78.5	
52	190	Phạm Vũ	Út	18/01/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Hô hấp		61.5	0	61.5	
53	214	Phạm Thị	Chúc		12/11/1991	Bác sĩ Nội Nhi	Trung tâm Thính học và Trị liệu ngôn ngữ trẻ em		60.5	0	60.5	
54	217	Nguyễn Thị	Duyên		08/3/1993	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh đa khoa		51.5	0	51.5	
55	218	Đặng Thị Kim	Giang		14/11/1991	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh đa khoa		56.5	0	56.5	
56	219	Nguyễn Đình	Hoàng	30/11/1993		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh đa khoa		74	0	74	
57	220	Nguyễn Văn	Hoảng	05/02/1992		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh đa khoa		60	0	60	
58	221	Ngô Mạnh	Kha	11/10/1994		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh đa khoa		73.5	0	73.5	
59	222	Hoàng Tuấn	Khang	31/12/1993		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh đa khoa		75	0	75	
60	223	Nguyễn Văn	Minh	17/7/1994		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh đa khoa		58	0	58	
61	224	Nguyễn Thị Hương	Thảo		14/12/1993	Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh đa khoa		67	0	67	
62	225	Bùi Đức	Vũ	13/9/1993		Bác sĩ Nội Nhi	Khoa Khám bệnh đa khoa		52	0	52	
63	23	Nguyễn Anh	Hào	01/7/1992		Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		20	0	20	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
64	24	Nguyễn Quỳnh	Mai		01/4/1992	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		71	0	71	
65	26	Trần Minh	Hà	06/5/1981		Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh (Đại học)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		62.5	0	62.5	
66	27	Vũ Hoàng	Linh	22/3/1996		Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh (Đại học)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		61.5	0	61.5	
67	28	Nguyễn Duy	Đạt	25/02/1994		Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh (Cao đẳng)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		55	0	55	
68	29	Lê Văn	Điện	22/7/1997		Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh (Cao đẳng)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		64	0	64	
69	30	Phạm Văn	Đức	02/8/1993		Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh (Cao đẳng)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		66.5	0	66.5	
70	31	Nguyễn Quang	Hải	31/8/1995		Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh (Cao đẳng)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		61	0	61	
71	32	Phạm Văn	Hóa	10/6/1993		Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh (Cao đẳng)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		63.5	0	63.5	
72	33	Vũ Quang	Ngọc	14/10/1987		Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh (Cao đẳng)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		53.5	0	53.5	
73	34	Nguyễn Anh	Phúc	27/10/1986		Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh (Cao đẳng)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		68.5	0	68.5	
74	112	Hoàng	Đô	26/9/1991		Bác sĩ Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng		87	0	87	
75	113	Cồ Thị	Trinh		30/7/1994	Kỹ thuật y Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng		81.5	0	81.5	
76	146	Phạm Thị Mai	Anh		15/11/1994	Kế toán Đại học	Phòng Tài chính kế toán	Dân tộc Tày	39.7	5	44.7	

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
77	147	Phạm Mỹ	Duyên		11/9/1995	Kế toán Đại học	Phòng Tài chính kế toán		24	0	24	
78	148	Nguyễn Thị Ngọc	Linh		27/9/1991	Kế toán Đại học	Phòng Tài chính kế toán		44	0	44	
79	149	Mai Thị Phương	Thanh		20/8/1988	Kế toán Đại học	Phòng Tài chính kế toán		30.7	0	30.7	
80	150	Nguyễn Thị Thùy	Trang		17/11/1990	Kế toán Đại học	Phòng Tài chính kế toán		65	0	65	
81	151	Lê Thị Thanh	Uyên		26/10/1980	Kế toán Đại học	Phòng Tài chính kế toán	Con thương binh	85.7	5	90.7	
82	152	Hồ Thị Thanh	Liều		22/10/1976	Kế toán Trung cấp	Phòng Tài chính kế toán		71.3	0	71.3	
83	159	Dương Quang	Khuynh	01/9/1980		Kỹ sư Vật tư - Kỹ thuật - Thiết bị y tế	Phòng Vật tư - Thiết bị y tế		75	0	75	
84	58	Nguyễn Việt	Anh	08/10/1991		Bác sĩ Kiểm soát nhiễm khuẩn	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn		86.5	0	86.5	
85	59	Đỗ Mạnh	Hùng	19/10/1994		Bác sĩ Kiểm soát nhiễm khuẩn	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn		67	0	67	
86	60	Bùi Thị Bảo	Ngọc		03/9/1990	Quản lý hành chính khoa	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn		83	0	83	
87	36	Đỗ Thùy	Anh		13/10/1996	Dược sĩ Đại học	Khoa Dược		91	0	91	
88	37	Hoàng Thị Ngọc	Ánh		05/9/1997	Dược sĩ Đại học	Khoa Dược		56.3	0	56.3	
89	38	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm		20/7/1992	Dược sĩ Đại học	Khoa Dược		36.3	0	36.3	

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
90	39	Trần Nhật	Minh	18/12/1996		Dược sĩ Đại học	Khoa Dược		96.3	0	96.3	
91	40	Vương Thị	Ngân		11/11/1988	Dược sĩ Đại học	Khoa Dược		58.7	0	58.7	
92	41	Lê Thu	Thảo		19/9/1996	Dược sĩ Đại học	Khoa Dược		62	0	62	
93	35	Nguyễn Thị	Quyên		10/11/1990	Đại học Kỹ thuật y xét nghiệm	Khoa Di truyền và Sinh học phân tử	Con BB 2/3 (61%)	80	5	85	
94	56	Trần Thanh	Tâm		13/7/1983	Cao đẳng Kỹ thuật y Xét nghiệm	Khoa Huyết học		70	0	70	
95	57	Đỗ Thị Bích	Vân		01/9/1996	Cao đẳng Kỹ thuật y Xét nghiệm	Khoa Huyết học		65	0	65	
96	166	Tổng Mỹ	Linh		04/9/1995	Cao đẳng Kỹ thuật y xét nghiệm	Trung tâm Bệnh nhiệt đới		50	0	50	
97	103	Trần Phương	Thảo		04/01/1996	Đại học Kỹ thuật y xét nghiệm	Khoa Nghiên cứu sinh học phân tử các bệnh truyền nhiễm		94	0	94	
98	115	Nguyễn Thị Huyền	Minh		18/10/1992	Đại học Kỹ thuật y Xét nghiệm	Khoa Sinh hóa		64	0	64	
99	116	Lương Huệ	Quyên		30/11/1996	Đại học Kỹ thuật y Xét nghiệm	Khoa Sinh hóa	Dân tộc Nùng	95	5	100	
100	117	Đỗ Ngọc	Hà	04/02/1996		Cao đẳng Kỹ thuật y Xét nghiệm	Khoa Sinh hóa		17.7	0	17.7	
101	118	Nguyễn Duy	Phương	09/5/1993		Cao đẳng Kỹ thuật y Xét nghiệm	Khoa Sinh hóa		72	0	72	
102	119	Bùi Đức	Quang	02/10/1997		Cao đẳng Kỹ thuật y Xét nghiệm	Khoa Sinh hóa		60.7	0	60.7	

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
103	126	Nguyễn Hữu	Thế	10/8/1991		Cao đẳng Kỹ thuật y xét nghiệm	Khoa Truyền máu		75	0	75	
104	127	Nguyễn Văn	Hiếu	10/9/1990		Trung cấp Kỹ thuật y xét nghiệm	Khoa Truyền máu		80	0	80	
105	128	Nguyễn Văn	Tâm	19/12/1989		Trung cấp Kỹ thuật y xét nghiệm	Khoa Truyền máu		75	0	75	
106	114	Phạm Đăng	Quang	01/10/1987		Bác sĩ Răng Hàm Mặt	Khoa Răng - Hàm - Mặt		64	0	64	
107	49	Nguyễn Anh	Văn	30/6/1994		Bác sĩ Giải phẫu bệnh	Khoa Giải phẫu bệnh		75	0	75	
108	50	Lê Văn	Thu	30/9/1993		Kỹ thuật Y Giải phẫu bệnh	Khoa Giải phẫu bệnh		46	0	46	
109	51	Nguyễn Thị Huyền	Trang		23/8/1995	Kỹ thuật y Giải phẫu bệnh	Khoa Giải phẫu bệnh		84	0	84	
110	48	Nguyễn Thị	Lụa		03/7/1995	Kỹ thuật y Gây mê hồi sức	Khoa Gây mê hồi sức		60	0	60	
111	15	Nguyễn Trần Đại	Lâm	01/01/1992		Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		61	0	61	
112	16	Trịnh Thị	Lan		01/12/1992	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		76.5	0	76.5	
113	17	Phạm Diệu	Linh		13/9/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		66.5	0	66.5	
114	18	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		13/12/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		66.5	0	66.5	
115	104	Đỗ Thị Phương	Anh		24/5/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Ngoại		83	0	83	

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
116	105	Lê Thanh	Hiền	11/7/1996		Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Ngoại		45	0	45	
117	106	Đỗ Thị	Hương		20/12/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Ngoại		80	0	80	
118	107	Nguyễn Thị Thu	Huyền		10/4/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Ngoại		93.5	0	93.5	
119	108	Phạm Thị	Nhâm		07/6/1992	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Ngoại		61.5	0	61.5	
120	109	Bùi Thị Hồng	Nhung		18/4/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Ngoại		78.5	0	78.5	
121	53	Phạm Thị Thu	Huyền		16/10/1991	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Sơ sinh		69	0	69	
122	54	Vũ Thị	Xuân		01/02/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Sơ sinh		55	0	55	
123	176	Bùi Thu	Hải		08/7/1989	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		79.5	0	79.5	
124	177	Lê Thị	Hiếu		10/8/1996	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		55	0	55	
125	178	Mai Thị Thùy	Linh		22/01/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		72	0	72	
126	179	Lưu Đức	Mạnh	16/3/1997		Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		50	0	50	
127	180	Phạm Thị Huyền	My		30/6/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		68.5	0	68.5	
128	181	Phạm Thị Minh	Nhật		01/10/1997	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		59.5	0	59.5	

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
129	182	Phan Thị Thúy	Quyên		18/9/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		76	0	76	
130	183	Phí Minh	Thu		06/02/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		62	0	62	
131	184	Nguyễn Thị	Thúy		06/12/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		76.5	0	76.5	
132	185	Nguyễn Kiều	Trang		16/4/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		75.5	0	75.5	
133	69	Nguyễn Diệp	Anh		30/10/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		71	0	71	
134	70	Nguyễn Thị	Dịu		07/6/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		55.5	0	55.5	
135	71	Nguyễn Thị Thu	Hà		15/10/1996	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		66.5	0	66.5	
136	72	Nguyễn Thị	Hằng		19/05/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		61.5	0	61.5	
137	73	Đào Thị	Hoài		05/11/1996	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		56	0	56	
138	74	Lê Thị Thu	Hồng		22/12/1996	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		64	0	64	
139	75	Đỗ Tiến	Hùng	11/5/1997		Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		63.5	0	63.5	
140	76	Đoàn Thu	Hương		21/10/1997	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		63.5	0	63.5	
141	77	Ngô Thanh	Hường		02/9/1988	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		55	0	55	

leg

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
142	78	Lê Quỳnh	Mai		29/10/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		55	0	55	
143	79	Nguyễn Thị	Nam		20/01/1997	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		63.5	0	63.5	
144	80	Trần Thị Hồng	Nhung		22/11/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		45	0	45	
145	81	Nguyễn Thị Hương	Sen		18/4/1986	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		63.5	0	63.5	
146	82	Hoàng Thị	Thanh		13/6/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		59	0	59	
147	83	Nguyễn Thị	Tuyền		21/9/1991	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		65	0	65	
148	84	Đỗ Thị Thảo	Xuân		01/3/1996	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh chuyên khoa		70	0	70	
149	92	Đặng Phương	Anh		06/02/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		69.5	0	69.5	
150	93	Lê Thị Yến	Chi		08/6/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		0	0	0	Không dự phỏng vấn
151	94	Ngô Thị Hồng	Gấm		04/10/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		45	0	45	
152	95	Nguyễn Thị	Huyền		20/5/1991	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		68.5	0	68.5	
153	96	Nguyễn Thị Ngọc	Lan		08/10/1989	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		43.5	0	43.5	
154	97	Tường Thị Thanh	Nhàn		18/10/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		81.5	0	81.5	

ky

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
155	98	Vũ Thị Thu	Thảo		15/11/1997	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		49	0	49	
156	99	Đỗ Anh	Tú	03/11/1995		Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		57.5	0	57.5	
157	162	Phạm Huyền	Anh		06/11/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Bệnh nhiệt đới		63	0	63	
158	163	Vũ Thị	Hoa		08/3/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Bệnh nhiệt đới		63.5	0	63.5	
159	164	Nguyễn Thị	Nga		06/11/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Bệnh nhiệt đới		43.5	0	43.5	
160	165	Nguyễn Thị	Trọng		05/7/1991	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Bệnh nhiệt đới		69	0	69	
161	44	Trần Thị	Hà		19/7/1991	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Điều trị tích cực nội khoa		52	0	52	
162	45	Vũ Thị	Hiền		20/10/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Điều trị tích cực nội khoa		72	0	72	
163	46	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		13/11/1992	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Điều trị tích cực nội khoa	Con thương binh	47	5	52	
164	101	Hoàng Bùi Thanh	Long	16/7/1989		Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Mắt		62	0	62	
165	123	Trần Bạch	Lan		05/02/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Tiết niệu		77	0	77	
166	124	Đỗ Ngọc	Hiệp		09/5/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Thận và Lọc máu		67	0	67	
167	125	Phan Thanh	Mai		12/11/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Thận và Lọc máu		72	0	72	

Handwritten signature

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
168	194	Nguyễn Đình	Tùng	27/11/1994		Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Tiêu hóa - Gan mật - Dinh dưỡng		62	0	62	
169	212	Trần Thị Trang	Nhung		17/11/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		67	0	67	
170	233	Ngô Quang	Đạt	10/11/1995		Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh đa khoa		53	0	53	
171	234	Phạm Văn	Phước		26/11/1996	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh đa khoa		57	0	57	
172	235	Trần Thu	Trang		18/5/1996	Điều dưỡng Cao đẳng	Khoa Khám bệnh đa khoa		63	0	63	
173	5	Nguyễn Đình Minh	Thúy		20/11/1990	Điều dưỡng Trung cấp	Trung tâm Quốc tế		63	0	63	
174	19	Nguyễn Quang	Anh	09/10/1991		Điều dưỡng Trung cấp	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		73	0	73	
175	25	Dương Hồng	Thủy		16/9/1988	Điều dưỡng Trung cấp	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		28	0	28	
176	55	Nguyễn Ngọc	Thủy		08/8/1991	Điều dưỡng Trung cấp	Trung tâm Sơ sinh		81.5	0	81.5	
177	100	Đặng Thị	Thủy		09/01/1988	Điều dưỡng Trung cấp	Khoa Khám và Điều trị 24 giờ		60	0	60	
178	110	Đào Quỳnh	Chi		07/5/1995	Điều dưỡng Trung cấp	Khoa Ngoại		63	0	63	
179	111	Đặng Thị Thùy	Trang		11/12/1990	Điều dưỡng Trung cấp	Khoa Ngoại		50.5	0	50.5	
180	191	Trần Thị Ngọc	Ánh		15/12/1991	Điều dưỡng Trung cấp	Trung tâm Hô hấp		66.5	0	66.5	

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
181	192	Vũ Đức	Việt	28/01/1990		Điều dưỡng Trung cấp	Trung tâm Hô hấp		25	0	25	
182	47	Giang Thị Ngọc	Mai		16/6/1995	Điều dưỡng Đại học	Khoa Gây mê hồi sức		85	0	85	
183	13	Dương Thị Mai	Anh		07/10/1994	Điều dưỡng Đại học	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		81.5	0	81.5	
184	14	Nguyễn Anh	Tuấn	01/7/1989		Điều dưỡng Đại học	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		70	0	70	
185	42	Trần Thị	Hồng		19/5/1996	Điều dưỡng Đại học	Khoa Điều trị tích cực nội khoa		60	0	60	
186	43	Nguyễn Như	Trung	02/01/1989		Điều dưỡng Đại học	Khoa Điều trị tích cực nội khoa		74	0	74	
187	120	Đoàn Thị Minh	Nguyệt		03/11/1992	Điều dưỡng Đại học	Khoa Sức khỏe vị thành niên		76.5	0	76.5	
188	161	Trương Thị	Dung		19/3/1990	Điều dưỡng Đại học	Trung tâm Bệnh nhiệt đới		75	0	75	
189	174	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		05/3/1994	Điều dưỡng Đại học	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa	Con thương binh 3/4 (45%)	75	5	80	
190	175	Nguyễn Hằng	Nga		07/11/1994	Điều dưỡng Đại học	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa	Con bệnh binh hạng 2/3	85	5	90	
191	201	Bùi Thị	Mai		22/12/1986	Điều dưỡng Đại học	Trung tâm Ung thư - Huyết học Nhi khoa		50	0	50	
192	202	Lê Thị	Phương		17/12/1993	Điều dưỡng Đại học	Trung tâm Ung thư - Huyết học Nhi khoa		64	0	64	
193	226	Đinh Thị Mai	Anh		01/02/1996	Điều dưỡng Đại học	Khoa Khám bệnh đa khoa		76	0	76	

Handwritten signature

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
194	227	Vũ Văn	Đạt	13/12/1995		Điều dưỡng Đại học	Khoa Khám bệnh đa khoa		74	0	74	
195	228	Trần Thị	Dung		13/01/1996	Điều dưỡng Đại học	Khoa Khám bệnh đa khoa	Con thương binh 2/8	71	5	76	
196	229	Nguyễn Thị Thanh	Hòa		20/6/1993	Điều dưỡng Đại học	Khoa Khám bệnh đa khoa		61	0	61	
197	230	Ngô Thị Kiều	Loan		08/3/1996	Điều dưỡng Đại học	Khoa Khám bệnh đa khoa		68	0	68	
198	231	Trương Thị	Loan		07/01/1996	Điều dưỡng đại học	Khoa Khám bệnh đa khoa		79	0	79	
199	232	Nguyễn Thị	Trang		21/7/1993	Điều dưỡng Đại học	Khoa Khám bệnh đa khoa		47	0	47	
200	129	Nguyễn Thị	Lương		12/01/1991	Bác sĩ Xét nghiệm	Khoa Vi sinh		74.3	0	74.3	
201	130	Lê Minh	Ngọc		25/5/1989	Bác sĩ Xét nghiệm	Khoa Vi sinh		40.3	0	40.3	
202	131	Phạm Thị	Hương		01/8/1990	Đại học Kỹ thuật y xét nghiệm	Khoa Vi sinh		0	0	0	Không dự phỏng vấn
203	132	Lê Thị	Lan		12/5/1996	Đại học Kỹ thuật y xét nghiệm	Khoa Vi sinh		92.7	0	92.7	
204	133	Lê Thị Tuyết	Mai		27/10/1995	Đại học Kỹ thuật y xét nghiệm	Khoa Vi sinh		73	0	73	
205	134	Nguyễn Đình	Nghiệp	20/6/1989		Đại học Kỹ thuật y Xét nghiệm	Khoa Vi sinh		39.3	0	39.3	
206	135	Ngọc Văn	Thường		20/9/1990	Cao đẳng Kỹ thuật y xét nghiệm	Khoa Vi sinh		53.3	0	53.3	

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
207	215	Vũ Toàn	Mạnh	23/8/1984		Bác sĩ Thính học	Trung tâm Thính học và Trị liệu ngôn ngữ trẻ em	Con thương binh	83	5	88	
208	216	Dương Tuyết	Anh		19/11/1983	Kỹ thuật viên	Trung tâm Thính học và Trị liệu ngôn ngữ trẻ em		77.3	0	77.3	
209	139	Nguyễn Thị Thu	Hiền		08/9/1985	Chuyên viên Quản lý chất lượng	Phòng Quản lý chất lượng		84.5	0	84.5	
210	140	Hà Nam	Trung	21/7/1974		Chuyên viên Quản lý chất lượng	Phòng Quản lý chất lượng	Dân tộc Tày	54.5	5	59.5	
211	141	Nguyễn Thị Thùy	Linh		20/11/1990	Chuyên viên Quản lý chất lượng	Phòng Quản lý chất lượng		74.3	0	74.3	
212	142	Ngô Anh	Thái	10/4/1992		Chuyên viên Quản lý chất lượng	Phòng Quản lý chất lượng		50	0	50	
213	143	Trần Thị Yến	Nhi		12/10/1995	Chuyên viên Kế hoạch tổng hợp - Chuyên viên	Phòng Kế hoạch tổng hợp		75.5	0	75.5	
214	145	Vương Thúy	Quỳnh		10/12/1991	Chuyên viên Kế hoạch tổng hợp - Lưu trữ viên cao đẳng	Phòng Kế hoạch tổng hợp		75.8	0	75.8	
215	144	Hy Thành	Hiếu	27/11/1990		Chuyên viên Kế hoạch tổng hợp - Kỹ thuật viên Cao đẳng	Phòng Kế hoạch tổng hợp		83.6	0	83.6	
216	6	Trần Kim	Ngân		27/7/1996	Quản lý hành chính khoa	Trung tâm Quốc tế		45	0	45	
217	7	Trần Văn	Thạch	08/11/1995		Quản lý hành chính khoa	Trung tâm Quốc tế		35.7	0	35.7	
218	20	Nguyễn Ngọc	Anh		13/12/1992	Quản lý hành chính khoa	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		79.5	0	79.5	
219	21	Dương Thanh	Ngà		24/11/1993	Quản lý hành chính khoa	Trung tâm Tim mạch trẻ em		41	0	41	

STT	Số báo danh	Họ và Tên	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
220	22	Nguyễn Thị Hồng	Phúc		02/9/1989	Quản lý hành chính khoa	Trung tâm Tim mạch Trẻ em		81.5	0	81.5	
221	213	Hoàng Thu	Hà		29/9/1996	Quản lý hành chính khoa	Trung tâm Cấp cứu và Chống độc Nhi khoa		65	0	65	
222	186	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		24/11/1989	Quản lý hành chính khoa	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		53.5	0	53.5	
223	187	Đào Thị Mai	Hương		01/12/1994	Quản lý hành chính khoa	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		68.5	0	68.5	
224	188	Phạm Bích	Phương		20/01/1991	Quản lý hành chính khoa	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu Nhi khoa		50	0	50	
225	153	Trần Anh	Dũng	28/5/1996		Chuyên viên Truyền thông, chăm sóc khách hàng - Đại học	Phòng Truyền thông và Chăm sóc khách hàng		40.3	0	40.3	
226	154	Phùng Thị Ngọc	Hân		14/12/1990	Chuyên viên Truyền thông, chăm sóc khách hàng - Đại học	Phòng Truyền thông và Chăm sóc khách hàng		44	0	44	
227	155	Phạm Thị Mai	Hương		02/9/1994	Chuyên viên Truyền thông, chăm sóc khách hàng - Đại học	Phòng Truyền thông và Chăm sóc khách hàng		44.3	0	44.3	
228	156	Phạm Trường	Quân	03/3/1989		Chuyên viên Truyền thông, chăm sóc khách hàng - Đại học	Phòng Truyền thông và Chăm sóc khách hàng		34.8	0	34.8	
229	157	Đào Thu	Thủy		11/6/1990	Chuyên viên Truyền thông, chăm sóc khách hàng - Đại học	Phòng Truyền thông và Chăm sóc khách hàng		80	0	80	
230	158	Lương Thị	Hiếu		11/8/1986	Chuyên viên Truyền thông, chăm sóc khách hàng - Cao đẳng	Phòng Truyền thông và Chăm sóc khách hàng	Dân tộc Thái	66.3	5	71.3	
231	122	Nguyễn Minh	Quyết	09/6/1991		Bác sĩ Tâm thần	Khoa Tâm thần		85.7	0	85.7	

uu

STT	Số báo danh	Họ và	Tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả phỏng vấn			Ghi chú
				Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số	
232	121	Thành Minh	Tuệ	18/10/1994		Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Tâm thần		66	0	66	
233	136	Thái Sơn	Lâm	23/01/1994		Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền		35	0	35	
234	137	Lưu Văn	Nam	01/11/1992		Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền		74.5	0	74.5	
235	138	Lê Thị Như	Ngọc		18/8/1990	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền		0	0	0	Không dự phỏng vấn
236	195	Phạm Thị	Hoa		29/02/1992	Kỹ thuật viên	Trung tâm Tiêu hóa - Gan mật - Dinh dưỡng		62	0	62	
237	196	Bùi Quang	Huy	16/9/1991		Kỹ thuật viên	Trung tâm Tiêu hóa - Gan mật - Dinh dưỡng		33	0	33	
238	197	Vũ Hạnh	Nguyên		26/02/1991	Kỹ thuật viên	Trung tâm Tiêu hóa - Gan mật - Dinh dưỡng		66.5	0	66.5	
239	198	Ngô Thị Vân	Anh		10/11/1983	Kỹ thuật viên	Trung tâm Tiêu hóa - Gan mật - Dinh dưỡng		52	0	52	
240	199	Trần Thị	Hà		21/12/1989	Kỹ thuật viên	Trung tâm Tiêu hóa - Gan mật - Dinh dưỡng		9	0	9	
241	200	Lê Thị	Thảo		30/7/1991	Kỹ thuật viên	Trung tâm Tiêu hóa - Gan mật - Dinh dưỡng		5	0	5	

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Lê Thanh Hải